

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
ĐỐI TƯỢNG: NỘI TRÚ

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
	NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		30							
1	26.03.01.0001	Nam	08/03/2002	Miễn	8.00	8.13	7.40	9.00	32.53	
2	26.03.01.0002	Nam	25/04/2001	Miễn	6.63	5.75	7.20	8.25	27.83	
3	26.03.01.0003	Nam	26/09/2002	Miễn	7.25	7.75	7.80	8.63	31.43	
4	26.03.01.0004	Nam	14/10/2002	Miễn	9.50	8.88	8.70	9.25	36.33	
5	26.03.01.0005	Nữ	16/03/2002	Miễn	4.25	6.63	5.10	7.38	23.36	
6	26.03.01.0006	Nam	11/05/2002	Miễn	8.38	9.25	6.50	8.63	32.76	
7	26.03.01.0007	Nam	22/07/2002	Miễn	6.50	8.13	7.70	7.88	30.21	
8	26.03.01.0008	Nam	28/08/2002	Miễn	7.63	8.63	7.40	9.25	32.91	
9	26.03.01.0009	Nữ	28/01/2002	Miễn	9.00	9.13	7.40	8.50	34.03	
10	26.03.01.0010	Nam	18/01/2002	Miễn	7.13	7.63	6.90	8.88	30.54	
11	26.03.01.0011	Nam	28/06/2001	Miễn	7.25	8.38	7.40	9.13	32.16	
12	26.03.01.0012	Nữ	21/12/2002	Miễn	7.63	8.50	8.10	9.25	33.48	
13	26.03.01.0013	Nữ	12/08/2001	Miễn	6.75	8.00	7.00	9.38	31.13	
14	26.03.01.0014	Nam	09/10/2002	Miễn	7.50	9.25	9.30	8.50	34.55	
15	26.03.01.0015	Nam	03/07/2001	Miễn	8.38	8.00	8.20	8.50	33.08	
16	26.03.01.0016	Nam	04/09/2002	Miễn	8.50	7.63	7.20	8.50	31.83	
17	26.03.01.0017	Nữ	10/10/2002	Miễn	7.13	7.63	8.10	9.13	31.99	
18	26.03.01.0018	Nữ	26/06/2002	Miễn	7.50	7.25	7.40	8.50	30.65	
19	26.03.01.0019	Nữ	21/10/2002	Miễn	6.38	7.38	7.10	8.25	29.11	
20	26.03.01.0020	Nam	13/12/2002	Miễn	8.63	7.38	7.20	9.13	32.34	
21	26.03.01.0021	Nam	21/02/2002	Miễn	v	v	v	v	v	
22	26.03.01.0022	Nữ	07/04/2002	Miễn	7.50	8.38	8.50	9.00	33.38	
23	26.03.01.0023	Nam	08/10/2002	Miễn	7.13	7.75	7.30	7.88	30.06	
24	26.03.01.0024	Nam	04/08/2002	Miễn	8.63	8.88	7.90	8.88	34.29	
25	26.03.01.0025	Nam	28/07/2002	Miễn	8.25	7.25	7.40	7.50	30.40	
26	26.03.01.0026	Nữ	29/05/2002	Miễn	5.63	7.13	6.30	7.88	26.94	
27	26.03.01.0027	Nữ	22/08/1995	Miễn	5.38	7.63	6.40	8.75	28.16	
28	26.03.01.0028	Nam	20/10/2002	Miễn	7.63	8.63	8.00	9.38	33.64	
29	26.03.01.0029	Nữ	26/04/2002	Miễn	9.13	8.13	8.90	9.13	35.29	
30	26.03.01.0030	Nữ	13/10/2002	Miễn	8.75	8.00	7.70	8.88	33.33	
	NGÀNH: DA LIỄU		23							
1	26.03.03.0031	Nữ	17/09/2002	Miễn	6.25	7.88	7.88	6.38	28.39	
2	26.03.03.0032	Nữ	02/10/2002	Miễn	v	v	v	v	v	
3	26.03.03.0033	Nữ	05/05/2002	Miễn	4.75	7.25	8.38	6.50	26.88	
4	26.03.03.0034	Nữ	16/06/2002	Miễn	6.63	7.38	8.50	8.00	30.51	
5	26.03.03.0035	Nữ	22/08/2002	Miễn	8.00	6.50	7.25	7.00	28.75	
6	26.03.03.0036	Nam	06/08/2002	Miễn	4.92	6.88	7.38	5.88	25.06	
7	26.03.03.0037	Nữ	10/02/2002	Miễn	3.67	5.38	5.75	6.38	21.18	
8	26.03.03.0038	Nữ	03/11/2002	Miễn	7.25	8.13	8.50	8.25	32.13	
9	26.03.03.0039	Nữ	27/04/2001	Miễn	5.00	8.00	7.50	6.50	27.00	
10	26.03.03.0040	Nữ	30/10/2002	Miễn	8.00	8.00	8.38	7.88	32.26	
11	26.03.03.0041	Nữ	10/02/2002	Miễn	6.63	8.88	8.75	8.88	33.14	
12	26.03.03.0042	Nữ	12/09/2002	Miễn	6.00	7.00	8.00	7.75	28.75	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
13	26.03.03.0043	Nữ	15/02/2002	Miễn	5.63	7.63	8.75	7.50	29.51	
14	26.03.03.0044	Nữ	20/05/2002	Miễn	5.75	6.63	6.63	5.50	24.51	
15	26.03.03.0045	Nữ	11/12/2002	Miễn	2.75	5.38	4.75	5.63	18.51	
16	26.03.03.0046	Nữ	04/11/2002	Miễn	6.13	8.75	7.00	7.25	29.13	
17	26.03.03.0047	Nam	09/09/2002	Miễn	6.38	7.88	7.38	7.00	28.64	
18	26.03.03.0048	Nữ	20/07/2002	Miễn	6.38	7.25	7.50	6.50	27.63	
19	26.03.03.0049	Nữ	30/04/2002	Miễn	5.25	6.38	6.00	7.50	25.13	
20	26.03.03.0050	Nữ	06/04/2002	Miễn	7.50	8.75	7.63	8.00	31.88	
21	26.03.03.0051	Nữ	30/09/2002	Miễn	v	v	v	v	v	
22	26.03.03.0052	Nữ	17/12/2002	Miễn	8.50	7.75	8.75	7.63	32.63	
23	26.03.03.0053	Nữ	09/06/2002	Miễn	4.75	7.13	6.75	7.25	25.88	
NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT			98							
1	26.03.10.0214	Nam	20/08/2002	Miễn	7.63	6.50	6.75	6.88	27.76	
2	26.03.10.0215	Nam	27/04/2002	Miễn	4.75	6.13	7.25	6.75	24.88	
3	26.03.10.0216	Nữ	18/09/2002	Miễn	8.25	7.38	8.25	7.63	31.51	
4	26.03.10.0217	Nam	31/05/2002	Miễn	3.42	6.25	5.88	5.63	21.18	
5	26.03.10.0218	Nam	02/10/2002	Miễn	6.75	7.63	7.63	6.63	28.64	
6	26.03.10.0219	Nam	01/04/2002	Miễn	5.63	7.50	7.00	7.38	27.51	
7	26.03.10.0220	Nữ	23/09/2002	Miễn	7.13	8.63	8.13	7.50	31.39	
8	26.03.10.0221	Nữ	17/07/2002	Miễn	5.13	7.25	5.63	6.25	24.26	
9	26.03.10.0222	Nam	21/10/2002	Miễn	7.00	6.38	7.88	6.38	27.64	
10	26.03.10.0223	Nam	12/08/2002	Miễn	5.75	6.63	7.88	6.50	26.76	
11	26.03.10.0224	Nam	16/02/2002	Miễn	4.92	6.00	6.38	7.00	24.30	
12	26.03.10.0225	Nam	03/11/2002	Miễn	8.00	6.50	6.75	8.00	29.25	
13	26.03.10.0226	Nữ	14/01/2002	Miễn	7.25	7.38	7.38	7.38	29.39	
14	26.03.10.0227	Nữ	29/10/2001	Miễn	4.83	7.88	8.50	7.50	28.71	
15	26.03.10.0228	Nam	04/11/2002	Miễn	7.88	7.00	7.50	6.38	28.76	
16	26.03.10.0229	Nam	10/01/2002	Miễn	5.13	6.75	6.63	7.63	26.14	
17	26.03.10.0230	Nam	31/01/2002	Miễn	6.50	7.13	8.25	8.38	30.26	
18	26.03.10.0231	Nữ	06/06/2002	Miễn	6.88	7.38	7.13	6.13	27.52	
19	26.03.10.0232	Nữ	06/08/2002	Miễn	8.63	7.25	8.00	8.50	32.38	
20	26.03.10.0233	Nam	14/05/2002	Miễn	6.88	7.38	8.25	9.00	31.51	
21	26.03.10.0234	Nam	16/08/2002	Miễn	6.88	7.00	5.50	8.38	27.76	
22	26.03.10.0235	Nam	23/03/2002	Miễn	6.63	7.38	7.88	7.13	29.02	
23	26.03.10.0236	Nữ	11/05/2002	Miễn	4.67	7.00	6.88	5.50	24.05	
24	26.03.10.0237	Nam	09/11/2002	Miễn	7.75	7.13	8.38	8.00	31.26	
25	26.03.10.0238	Nam	27/03/2002	Miễn	9.63	8.00	8.13	8.38	34.14	
26	26.03.10.0239	Nam	28/09/2002	Miễn	7.63	8.50	6.88	7.75	30.76	
27	26.03.10.0240	Nữ	01/06/2002	Miễn	5.75	4.50	4.42	4.42	19.09	
28	26.03.10.0241	Nam	03/07/2001	Miễn	7.38	8.63	9.00	8.88	33.89	
29	26.03.10.0242	Nam	07/10/2002	Miễn	8.00	8.00	8.75	8.13	32.88	
30	26.03.10.0243	Nam	16/07/2002	Miễn	7.38	7.75	7.38	7.13	29.64	
31	26.03.10.0244	Nam	13/05/2002	Miễn	7.88	6.88	7.50	5.75	28.01	
32	26.03.10.0245	Nam	20/02/2002	Miễn	6.50	7.75	7.00	7.50	28.75	
33	26.03.10.0246	Nữ	08/11/2001	Miễn	7.38	7.50	7.13	7.38	29.39	
34	26.03.10.0247	Nữ	06/12/2002	Miễn	8.63	8.00	8.00	7.75	32.38	
35	26.03.10.0248	Nam	31/07/2002	Miễn	4.08	5.38	5.88	5.38	20.72	
36	26.03.10.0249	Nam	12/05/2002	Miễn	5.63	7.50	8.00	8.25	29.38	
37	26.03.10.0250	Nữ	12/01/2002	Miễn	6.25	7.88	7.63	8.00	29.76	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
38	26.03.10.0251	Nam	24/07/2002	Miễn	8.13	6.88	8.50	8.63	32.14	
39	26.03.10.0252	Nữ	08/02/2002	Miễn	4.08	7.00	7.38	7.13	25.59	
40	26.03.10.0253	Nữ	15/06/2002	Miễn	8.38	9.00	8.63	7.50	33.51	
41	26.03.10.0254	Nữ	04/09/2002	Miễn	4.67	6.25	7.13	5.88	23.93	
42	26.03.10.0255	Nữ	29/08/2002	Miễn	6.50	7.13	6.38	6.88	26.89	
43	26.03.10.0256	Nam	18/03/2002	Miễn	6.50	8.13	5.75	7.63	28.01	
44	26.03.10.0257	Nam	17/08/2002	Miễn	6.63	7.75	6.13	6.13	26.64	
45	26.03.10.0258	Nam	06/05/2002	Miễn	7.50	7.88	8.50	8.75	32.63	
46	26.03.10.0259	Nữ	10/01/2001	Miễn	6.25	8.63	7.50	7.50	29.88	
47	26.03.10.0260	Nữ	18/05/2002	Miễn	7.13	7.13	6.25	7.25	27.76	
48	26.03.10.0261	Nam	04/03/2002	Miễn	9.38	8.75	8.63	9.38	36.14	
49	26.03.10.0262	Nữ	28/01/2002	Miễn	6.38	8.88	8.00	7.63	30.89	
50	26.03.10.0263	Nữ	29/05/2001	Miễn	6.88	7.50	8.50	8.63	31.51	
51	26.03.10.0264	Nam	02/10/2002	Miễn	8.13	7.13	7.00	7.00	29.26	
52	26.03.10.0265	Nam	09/01/2002	Miễn	7.75	8.50	9.00	8.38	33.63	
53	26.03.10.0266	Nữ	24/11/2002	Miễn	7.50	8.63	8.25	7.50	31.88	
54	26.03.10.0267	Nam	15/07/2002	Miễn	7.38	7.63	6.38	8.00	29.39	
55	26.03.10.0268	Nam	04/12/2002	Miễn	8.50	7.63	7.25	7.50	30.88	
56	26.03.10.0269	Nam	20/09/2002	Miễn	4.33	6.75	6.00	6.75	23.83	
57	26.03.10.0270	Nam	17/05/2002	Miễn	7.38	8.13	8.25	7.63	31.39	
58	26.03.10.0271	Nam	08/11/2002	Miễn	8.13	7.75	7.00	7.63	30.51	
59	26.03.10.0272	Nam	15/11/2002	Miễn	5.25	6.50	6.38	7.00	25.13	
60	26.03.10.0273	Nam	30/04/2001	Miễn	6.75	8.13	7.88	7.88	30.64	
61	26.03.10.0274	Nam	13/05/2002	Miễn	7.38	8.63	7.75	8.63	32.39	
62	26.03.10.0275	Nam	27/01/1999	Miễn	5.50	7.38	6.50	6.25	25.63	
63	26.03.10.0276	Nam	28/10/2002	Miễn	2.92	3.50	4.08	4.25	14.75	
64	26.03.10.0277	Nữ	25/04/2002	Miễn	5.13	6.50	5.13	7.50	24.26	
65	26.03.10.0278	Nữ	11/10/2002	Miễn	6.63	7.75	7.38	8.50	30.26	
66	26.03.10.0279	Nam	11/09/2001	Miễn	6.00	6.88	5.13	6.00	24.01	
67	26.03.10.0280	Nam	17/09/2002	Miễn	7.13	7.63	8.13	6.75	29.64	
68	26.03.10.0281	Nữ	12/06/2002	Miễn	7.00	8.13	8.25	7.63	31.01	
69	26.03.10.0282	Nữ	07/09/2002	Miễn	7.75	7.13	6.75	6.50	28.13	
70	26.03.10.0283	Nữ	06/03/2002	Miễn	4.75	7.50	7.50	8.50	28.25	
71	26.03.10.0284	Nữ	14/09/2002	Miễn	4.25	6.25	6.00	6.25	22.75	
72	26.03.10.0285	Nam	12/07/2002	Miễn	7.63	8.50	8.25	7.13	31.51	
73	26.03.10.0286	Nam	12/05/2001	Miễn	6.13	7.25	8.00	6.75	28.13	
74	26.03.10.0287	Nam	19/03/2002	Miễn	4.92	5.88	5.88	5.88	22.56	
75	26.03.10.0288	Nam	17/07/2001	Miễn	4.58	7.00	7.25	6.25	25.08	
76	26.03.10.0289	Nữ	27/08/2002	Miễn	7.50	7.75	7.63	7.88	30.76	
77	26.03.10.0290	Nữ	05/11/2002	Miễn	4.92	8.25	8.63	6.88	28.68	
78	26.03.10.0291	Nữ	19/02/2002	Miễn	6.25	8.00	7.50	7.00	28.75	
79	26.03.10.0292	Nữ	06/11/2002	Miễn	7.88	8.25	7.50	7.75	31.38	
80	26.03.10.0293	Nữ	31/07/2002	Miễn	6.38	8.13	9.13	7.88	31.52	
81	26.03.10.0294	Nam	12/11/2002	Miễn	4.08	6.75	7.63	6.75	25.21	
82	26.03.10.0295	Nữ	30/08/2002	Miễn	5.88	7.38	6.88	6.75	26.89	
83	26.03.10.0296	Nữ	22/02/2002	Miễn	5.88	6.63	7.75	6.75	27.01	
84	26.03.10.0297	Nữ	17/11/2002	Miễn	3.33	4.75	5.00	6.13	19.21	
85	26.03.10.0298	Nữ	23/09/1999	Miễn	5.63	6.00	7.38	6.88	25.89	
86	26.03.10.0299	Nữ	31/03/2002	Miễn	8.25	7.88	7.25	7.88	31.26	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
87	26.03.10.0300	Nữ	23/10/2002	Miễn	7.50	7.50	7.25	6.63	28.88	
88	26.03.10.0301	Nam	20/11/2002	Miễn	8.63	7.00	7.00	8.63	31.26	
89	26.03.10.0302	Nữ	01/01/2002	Miễn	5.25	5.88	7.75	5.75	24.63	
90	26.03.10.0303	Nam	13/10/2001	Miễn	8.00	7.50	8.75	8.25	32.50	
91	26.03.10.0304	Nữ	25/08/2000	Miễn	4.92	6.88	7.50	7.13	26.43	
92	26.03.10.0305	Nữ	25/04/2002	Miễn	4.58	5.25	6.13	6.00	21.96	
93	26.03.10.0306	Nữ	06/01/2002	Miễn	6.75	6.75	6.13	7.25	26.88	
94	26.03.10.0307	Nam	15/10/2000	Miễn	6.50	6.88	7.13	5.88	26.39	
95	26.03.10.0308	Nam	06/03/2002	Miễn	6.13	7.38	6.13	5.88	25.52	
96	26.03.10.0309	Nữ	19/10/2001	Miễn	6.88	7.88	8.63	8.25	31.64	
97	26.03.10.0310	Nữ	03/07/2002	Miễn	5.88	7.00	8.13	7.25	28.26	
98	26.03.10.0311	Nữ	17/11/2001	Miễn	4.25	5.25	5.38	6.00	20.88	
NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT			43							
1	26.03.12.0054	Nam	14/09/2001	Miễn	8.38	8.63	7.10	8.88	32.99	
2	26.03.12.0055	Nam	04/07/2002	Miễn	7.63	8.13	9.20	8.50	33.46	
3	26.03.12.0056	Nam	02/10/2002	Miễn	8.25	8.50	8.00	9.00	33.75	
4	26.03.12.0057	Nam	30/08/2002	Miễn	3.75	5.75	5.40	7.63	22.53	
5	26.03.12.0058	Nam	26/02/2002	Miễn	5.25	7.63	6.80	8.25	27.93	
6	26.03.12.0059	Nữ	15/09/2002	Miễn	7.25	8.38	7.80	9.13	32.56	
7	26.03.12.0060	Nữ	11/01/2001	Miễn	3.83	6.25	6.10	6.63	22.81	
8	26.03.12.0061	Nam	09/06/2002	Miễn	7.13	7.50	8.40	8.75	31.78	
9	26.03.12.0062	Nam	19/12/2002	Miễn	6.63	5.25	5.50	8.25	25.63	
10	26.03.12.0063	Nam	19/02/2002	Miễn	5.63	7.63	6.70	7.63	27.59	
11	26.03.12.0064	Nam	01/03/2002	Miễn	6.13	7.13	6.60	8.25	28.11	
12	26.03.12.0065	Nam	16/10/2002	Miễn	7.38	8.50	7.90	8.75	32.53	
13	26.03.12.0066	Nam	15/06/2002	Miễn	9.00	8.63	8.40	8.75	34.78	
14	26.03.12.0067	Nữ	04/04/2001	Miễn	7.50	7.63	7.30	8.00	30.43	
15	26.03.12.0068	Nữ	28/01/2001	Miễn	8.00	8.13	7.90	9.13	33.16	
16	26.03.12.0069	Nam	25/03/2002	Miễn	4.50	6.13	5.90	6.13	22.66	
17	26.03.12.0070	Nam	20/03/2002	6.50	4.50	4.83	5.80	7.25	22.38	
18	26.03.12.0071	Nam	06/09/1997	Miễn	6.75	6.63	6.80	8.00	28.18	
19	26.03.12.0072	Nam	07/12/2002	Miễn	6.25	7.00	6.90	8.25	28.40	
20	26.03.12.0073	Nam	21/02/2002	Miễn	4.00	6.50	6.70	8.13	25.33	
21	26.03.12.0074	Nam	10/03/2001	Miễn	7.50	7.25	7.00	8.63	30.38	
22	26.03.12.0075	Nam	06/05/2002	Miễn	6.25	7.75	8.90	8.88	31.78	
23	26.03.12.0076	Nam	24/07/2002	Miễn	7.63	6.38	6.30	8.13	28.44	
24	26.03.12.0077	Nam	01/10/2001	Miễn	4.92	7.38	6.90	7.00	26.20	
25	26.03.12.0078	Nam	24/02/2002	Miễn	7.75	8.63	7.90	8.88	33.16	
26	26.03.12.0079	Nam	20/08/2001	Miễn	4.25	6.38	4.50	7.75	22.88	
27	26.03.12.0080	Nam	11/03/2002	Miễn	4.92	5.63	6.30	5.63	22.48	
28	26.03.12.0081	Nam	13/11/2002	Miễn	4.75	7.00	6.10	8.00	25.85	
29	26.03.12.0082	Nữ	16/03/2001	Miễn	5.50	7.00	6.80	8.00	27.30	
30	26.03.12.0083	Nam	29/09/2002	Miễn	6.88	8.50	7.90	8.75	32.03	
31	26.03.12.0084	Nam	07/01/2002	Miễn	5.88	7.50	8.00	7.50	28.88	
32	26.03.12.0085	Nam	16/06/2002	Miễn	7.75	8.00	6.80	8.88	31.43	
33	26.03.12.0086	Nam	28/05/2002	Miễn	7.88	8.50	8.70	8.38	33.46	
34	26.03.12.0087	Nam	20/08/2002	Miễn	7.63	8.25	v	v	15.88	
35	26.03.12.0088	Nam	01/06/2002	Miễn	8.25	7.13	6.70	7.50	29.58	
36	26.03.12.0089	Nam	01/01/2002	Miễn	8.25	8.25	7.40	8.63	32.53	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
37	26.03.12.0090	Nam	08/08/2002	Miễn	8.00	8.00	6.80	8.75	31.55	
38	26.03.12.0091	Nam	07/09/2002	Miễn	8.13	9.25	9.10	8.75	35.23	
39	26.03.12.0092	Nam	15/01/2002	Miễn	6.25	8.13	6.80	7.25	28.43	
40	26.03.12.0093	Nam	20/11/2002	Miễn	7.00	6.38	5.00	8.63	27.01	
41	26.03.12.0094	Nam	18/12/2002	Miễn	5.38	6.75	7.00	7.75	26.88	
42	26.03.12.0095	Nam	28/06/2002	Miễn	5.88	7.38	6.80	8.25	28.31	
43	26.03.12.0096	Nam	08/03/2002	Miễn	5.75	6.88	5.70	8.13	26.46	
NGÀNH: NHÂN KHOA			52							
1	26.03.08.0097	Nam	19/08/2002	Miễn	6.38	7.13	7.50	9.25	30.26	
2	26.03.08.0098	Nữ	17/11/2002	Miễn	8.00	8.75	9.20	8.63	34.58	
3	26.03.08.0099	Nữ	12/05/2002	Miễn	4.33	7.00	6.10	6.88	24.31	
4	26.03.08.0100	Nam	29/08/2002	Miễn	7.88	8.00	9.10	8.50	33.48	
5	26.03.08.0101	Nam	01/01/2001	Miễn	7.63	8.38	7.00	7.38	30.39	
6	26.03.08.0102	Nữ	24/04/2001	Miễn	6.13	6.50	7.20	8.25	28.08	
7	26.03.08.0103	Nam	25/07/2001	Miễn	4.08	4.67	5.50	5.38	19.63	
8	26.03.08.0104	Nam	02/11/1994	Miễn	4.25	9.50	8.10	7.25	29.10	
9	26.03.08.0105	Nữ	09/08/2002	Miễn	5.13	8.38	9.40	8.50	31.41	
10	26.03.08.0106	Nam	03/02/2002	Miễn	5.13	8.63	7.30	7.13	28.19	
11	26.03.08.0107	Nữ	24/05/2002	Miễn	5.88	9.63	9.20	8.50	33.21	
12	26.03.08.0108	Nam	22/01/2002	Miễn	7.75	7.50	7.10	8.63	30.98	
13	26.03.08.0109	Nam	26/04/2002	Miễn	7.88	8.75	6.90	7.75	31.28	
14	26.03.08.0110	Nam	03/01/2002	Miễn	6.00	6.63	6.70	7.88	27.21	
15	26.03.08.0111	Nam	20/12/2002	Miễn	7.50	9.25	9.30	8.50	34.55	
16	26.03.08.0112	Nam	22/11/2002	Miễn	6.50	8.25	8.40	8.88	32.03	
17	26.03.08.0113	Nữ	06/09/2001	Miễn	4.00	6.13	6.30	8.25	24.68	
18	26.03.08.0114	Nam	22/08/2002	Miễn	7.13	8.13	7.10	8.63	30.99	
19	26.03.08.0115	Nữ	27/08/2002	Miễn	7.50	7.75	9.10	9.38	33.73	
20	26.03.08.0116	Nam	04/05/2002	Miễn	7.63	7.63	7.10	8.75	31.11	
21	26.03.08.0117	Nam	26/11/2002	Miễn	5.13	6.75	6.20	6.00	24.08	
22	26.03.08.0118	Nam	05/07/2001	Miễn	7.88	8.00	7.90	9.25	33.03	
23	26.03.08.0119	Nữ	08/11/2002	Miễn	8.38	9.50	9.60	9.13	36.61	
24	26.03.08.0120	Nam	25/09/2001	Miễn	7.13	8.13	7.20	8.75	31.21	
25	26.03.08.0121	Nam	10/07/2001	Miễn	3.58	9.63	7.70	7.00	27.91	
26	26.03.08.0122	Nữ	05/02/2001	Miễn	5.25	7.50	7.60	9.00	29.35	
27	26.03.08.0123	Nữ	30/04/2001	Miễn	4.42	6.63	5.90	6.00	22.95	
28	26.03.08.0124	Nữ	24/12/2001	Miễn	7.25	6.50	6.70	8.63	29.08	
29	26.03.08.0125	Nam	06/05/2002	Miễn	6.75	7.25	6.40	7.88	28.28	
30	26.03.08.0126	Nam	03/08/2002	Miễn	7.50	8.13	7.80	9.13	32.56	
31	26.03.08.0127	Nam	17/06/2001	Miễn	5.75	7.13	6.70	8.50	28.08	
32	26.03.08.0128	Nam	21/02/2002	Miễn	6.25	7.38	6.90	6.50	27.03	
33	26.03.08.0129	Nữ	06/12/2002	Miễn	3.67	8.88	8.40	7.88	28.83	
34	26.03.08.0130	Nam	03/07/2002	Miễn	7.00	8.25	6.10	7.50	28.85	
35	26.03.08.0131	Nữ	30/12/2002	Miễn	4.33	9.13	9.70	8.13	31.29	
36	26.03.08.0132	Nam	12/09/2002	Miễn	4.83	6.00	6.50	8.13	25.46	
37	26.03.08.0133	Nữ	28/06/2002	Miễn	5.13	8.38	6.40	8.88	28.79	
38	26.03.08.0134	Nữ	22/04/2002	Miễn	4.83	5.00	5.70	7.38	22.91	
39	26.03.08.0135	Nữ	12/09/2002	Miễn	7.75	8.88	9.30	9.00	34.93	
40	26.03.08.0136	Nam	09/07/2002	Miễn	7.38	7.50	7.40	7.88	30.16	
41	26.03.08.0137	Nữ	09/04/2002	Miễn	7.13	7.25	7.40	8.75	30.53	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
42	26.03.08.0138	Nữ	28/10/2001	Miễn	5.50	5.63	7.00	7.88	26.01	
43	26.03.08.0139	Nữ	03/09/2002	Miễn	7.75	8.38	7.70	8.38	32.21	
44	26.03.08.0140	Nữ	25/09/2002	Miễn	3.58	4.58	5.40	7.00	20.56	
45	26.03.08.0141	Nam	22/12/2002	Miễn	4.33	6.00	5.30	6.75	22.38	
46	26.03.08.0142	Nam	12/12/2002	Miễn	5.25	8.25	7.30	8.50	29.30	
47	26.03.08.0143	Nữ	09/03/2002	Miễn	2.92	8.00	7.70	6.63	25.25	
48	26.03.08.0144	Nam	10/11/2002	Miễn	7.63	7.75	7.50	9.00	31.88	
49	26.03.08.0145	Nữ	08/02/2002	Miễn	2.58	4.58	5.30	4.42	16.88	
50	26.03.08.0146	Nam	12/04/2001	Miễn	5.88	6.88	6.20	7.75	26.71	
51	26.03.08.0147	Nữ	23/10/2002	Miễn	8.88	8.38	7.50	8.75	33.51	
52	26.03.08.0148	Nữ	31/07/2002	Miễn	7.13	8.88	7.50	8.63	32.14	
	NGÀNH: NHI KHOA		65							
1	26.03.09.0149	Nữ	06/02/2002	Miễn	8.00	9.00	8.63	8.25	33.88	
2	26.03.09.0150	Nữ	22/06/2002	Miễn	6.63	7.63	8.38	8.25	30.89	
3	26.03.09.0151	Nữ	26/05/2002	Miễn	7.75	8.00	8.38	7.00	31.13	
4	26.03.09.0152	Nữ	31/07/2002	Miễn	4.42	6.25	8.00	5.63	24.30	
5	26.03.09.0153	Nữ	06/12/2002	Miễn	6.88	7.75	8.00	6.25	28.88	
6	26.03.09.0154	Nữ	08/08/2002	Miễn	5.13	6.00	7.13	5.63	23.89	
7	26.03.09.0155	Nam	26/08/2002	Miễn	7.00	7.50	8.25	8.00	30.75	
8	26.03.09.0156	Nam	05/02/2002	Miễn	8.00	8.25	8.13	7.50	31.88	
9	26.03.09.0157	Nữ	02/11/2002	Miễn	6.25	7.75	7.25	7.00	28.25	
10	26.03.09.0158	Nam	29/03/2002	Miễn	4.75	6.38	8.00	4.83	23.96	
11	26.03.09.0159	Nam	12/01/2002	Miễn	4.50	5.63	6.63	3.75	20.51	
12	26.03.09.0160	Nam	09/11/2002	Miễn	3.42	5.25	4.42	3.92	17.01	
13	26.03.09.0161	Nữ	13/11/2002	Miễn	7.00	7.13	7.38	6.88	28.39	
14	26.03.09.0162	Nữ	14/02/2002	Miễn	5.50	6.75	6.63	5.50	24.38	
15	26.03.09.0163	Nữ	05/09/2002	Miễn	7.00	7.50	7.88	7.00	29.38	
16	26.03.09.0164	Nam	22/06/2002	Miễn	5.38	6.25	6.38	4.92	22.93	
17	26.03.09.0165	Nữ	29/10/2002	Miễn	4.67	6.88	7.00	6.75	25.30	
18	26.03.09.0166	Nữ	28/09/2002	Miễn	8.00	8.50	8.38	8.88	33.76	
19	26.03.09.0167	Nữ	19/09/2002	Miễn	6.75	7.38	7.38	6.75	28.26	
20	26.03.09.0168	Nữ	10/05/2002	Miễn	7.00	8.25	8.25	7.63	31.13	
21	26.03.09.0169	Nam	12/03/2001	Miễn	7.75	6.50	7.50	7.25	29.00	
22	26.03.09.0170	Nam	06/04/2002	Miễn	8.75	7.75	8.75	9.13	34.38	
23	26.03.09.0171	Nam	09/02/2002	Miễn	7.63	7.88	8.63	7.75	31.89	
24	26.03.09.0172	Nam	13/05/2002	Miễn	7.25	7.63	7.38	7.25	29.51	
25	26.03.09.0173	Nam	13/03/2002	6.88	6.75	9.13	8.13	7.38	31.39	
26	26.03.09.0174	Nam	07/12/2002	Miễn	7.75	7.75	7.50	8.00	31.00	
27	26.03.09.0175	Nam	18/05/2002	Miễn	7.50	6.88	8.25	6.88	29.51	
28	26.03.09.0176	Nữ	13/03/2002	Miễn	6.00	7.13	6.13	7.88	27.14	
29	26.03.09.0177	Nữ	01/09/2002	Miễn	7.00	8.50	7.75	8.00	31.25	
30	26.03.09.0178	Nam	04/03/2002	Miễn	6.63	8.00	8.38	7.00	30.01	
31	26.03.09.0179	Nam	19/10/2002	Miễn	6.00	7.13	7.50	6.63	27.26	
32	26.03.09.0180	Nữ	02/02/2002	Miễn	7.88	7.50	6.50	6.00	27.88	
33	26.03.09.0181	Nữ	01/12/2002	Miễn	7.88	7.75	8.88	8.75	33.26	
34	26.03.09.0182	Nữ	24/07/2002	Miễn	6.88	7.00	7.50	6.25	27.63	
35	26.03.09.0183	Nam	06/04/2002	Miễn	8.75	8.63	9.50	8.75	35.63	
36	26.03.09.0184	Nữ	18/01/2002	Miễn	7.88	8.25	8.50	7.75	32.38	
37	26.03.09.0185	Nữ	24/10/2002	Miễn	8.00	8.38	7.75	7.88	32.01	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
38	26.03.09.0186	Nam	19/04/2002	Miễn	6.00	6.88	7.88	6.38	27.14	
39	26.03.09.0187	Nam	02/09/2001	Miễn	5.38	7.50	8.13	6.13	27.14	
40	26.03.09.0188	Nữ	16/12/2002	Miễn	5.00	7.25	6.75	7.38	26.38	
41	26.03.09.0189	Nam	28/12/2002	Miễn	5.25	6.63	7.13	6.38	25.39	
42	26.03.09.0190	Nữ	16/09/2002	Miễn	5.38	6.88	7.00	6.00	25.26	
43	26.03.09.0191	Nữ	28/02/2002	Miễn	7.00	7.63	7.75	7.38	29.76	
44	26.03.09.0192	Nữ	08/03/2002	Miễn	7.75	8.00	8.00	6.75	30.50	
45	26.03.09.0193	Nữ	08/04/2002	Miễn	6.63	7.50	7.75	8.38	30.26	
46	26.03.09.0194	Nữ	06/01/2002	Miễn	7.25	7.25	8.13	7.75	30.38	
47	26.03.09.0195	Nữ	02/03/2002	Miễn	8.13	7.50	8.13	7.00	30.76	
48	26.03.09.0196	Nữ	04/09/2002	Miễn	6.25	7.88	8.38	8.25	30.76	
49	26.03.09.0197	Nam	28/04/2002	Miễn	8.88	9.13	9.63	9.13	36.77	
50	26.03.09.0198	Nữ	18/10/2001	Miễn	9.00	8.88	8.63	8.00	34.51	
51	26.03.09.0199	Nữ	29/07/2002	Miễn	5.25	6.25	7.00	5.63	24.13	
52	26.03.09.0200	Nữ	26/04/2002	Miễn	7.13	8.38	8.38	7.38	31.27	
53	26.03.09.0201	Nữ	23/06/2000	Miễn	7.13	7.38	8.38	7.88	30.77	
54	26.03.09.0202	Nam	04/01/2002	Miễn	7.75	8.00	7.38	6.50	29.63	
55	26.03.09.0203	Nữ	13/01/2002	Miễn	8.00	7.38	8.38	7.00	30.76	
56	26.03.09.0204	Nữ	07/05/2002	Miễn	6.75	8.25	8.63	7.88	31.51	
57	26.03.09.0205	Nữ	25/05/2002	Miễn	8.50	8.13	8.63	7.75	33.01	
58	26.03.09.0206	Nữ	22/07/2002	Miễn	6.25	6.50	7.25	7.63	27.63	
59	26.03.09.0207	Nữ	22/05/2002	Miễn	7.75	7.75	8.38	8.25	32.13	
60	26.03.09.0208	Nữ	12/08/2001	Miễn	5.63	4.92	6.00	4.75	21.30	
61	26.03.09.0209	Nữ	05/03/2002	Miễn	7.13	7.25	8.25	7.50	30.13	
62	26.03.09.0210	Nữ	02/06/2002	Miễn	8.88	8.50	8.88	8.13	34.39	
63	26.03.09.0211	Nữ	05/02/2001	Miễn	3.75	5.25	6.75	5.25	21.00	
64	26.03.09.0212	Nữ	23/10/2002	Miễn	7.38	7.63	8.25	7.25	30.51	
65	26.03.09.0213	Nam	19/09/2002	Miễn	7.13	8.13	9.00	9.00	33.26	
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA			67							
1	26.03.15.0312	Nữ	04/06/2002	Miễn	5.63	7.63	9.00	6.50	28.76	
2	26.03.15.0313	Nữ	05/11/2002	Miễn	8.50	8.63	9.00	7.50	33.63	
3	26.03.15.0314	Nữ	18/12/2002	Miễn	4.08	6.38	7.25	4.83	22.54	
4	26.03.15.0315	Nữ	14/04/2002	Miễn	5.63	7.00	8.25	4.75	25.63	
5	26.03.15.0316	Nữ	06/01/2002	Miễn	6.00	9.75	8.88	6.38	31.01	
6	26.03.15.0317	Nam	30/05/2002	Miễn	8.38	7.00	8.63	6.88	30.89	
7	26.03.15.0318	Nam	25/12/2002	Miễn	8.25	8.75	8.63	6.50	32.13	
8	26.03.15.0319	Nữ	26/01/2002	Miễn	3.92	5.75	7.00	5.00	21.67	
9	26.03.15.0320	Nữ	06/11/2002	Miễn	4.67	6.38	8.13	5.00	24.18	
10	26.03.15.0321	Nữ	24/09/2002	Miễn	5.75	7.50	8.50	6.25	28.00	
11	26.03.15.0322	Nam	03/03/2002	Miễn	4.67	6.00	8.00	4.83	23.50	
12	26.03.15.0323	Nữ	10/07/2002	Miễn	7.75	8.50	9.38	7.25	32.88	
13	26.03.15.0324	Nữ	21/06/2002	Miễn	3.92	6.13	7.13	4.33	21.51	
14	26.03.15.0325	Nữ	09/09/2002	Miễn	3.50	5.50	7.50	5.88	22.38	
15	26.03.15.0326	Nữ	10/11/2002	Miễn	8.75	8.25	8.63	7.13	32.76	
16	26.03.15.0327	Nữ	29/01/2002	Miễn	7.88	7.50	8.00	5.38	28.76	
17	26.03.15.0328	Nữ	28/08/2001	Miễn	8.50	8.38	8.63	7.13	32.64	
18	26.03.15.0329	Nữ	09/04/2002	Miễn	7.88	8.50	9.00	7.00	32.38	
19	26.03.15.0330	Nữ	23/02/2002	Miễn	7.38	7.00	8.38	5.50	28.26	
20	26.03.15.0331	Nam	20/02/2002	Miễn	7.00	7.38	9.25	7.50	31.13	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
21	26.03.15.0332	Nam	04/11/2002	Miễn	6.00	7.50	8.75	4.92	27.17	
22	26.03.15.0333	Nam	26/04/2002	Miễn	8.25	8.25	8.50	5.63	30.63	
23	26.03.15.0334	Nữ	11/07/2001	Miễn	6.00	6.25	8.13	4.67	25.05	
24	26.03.15.0335	Nam	28/01/2002	Miễn	7.63	7.50	8.75	8.25	32.13	
25	26.03.15.0336	Nữ	31/07/2002	Miễn	6.75	8.50	9.25	6.38	30.88	
26	26.03.15.0337	Nữ	19/10/2001	Miễn	8.00	7.63	8.75	7.25	31.63	
27	26.03.15.0338	Nữ	19/10/2002	Miễn	8.13	8.00	8.88	6.13	31.14	
28	26.03.15.0339	Nữ	24/08/2002	Miễn	5.38	6.38	7.63	5.25	24.64	
29	26.03.15.0340	Nữ	05/10/2002	Miễn	4.17	5.88	8.38	5.25	23.68	
30	26.03.15.0341	Nam	14/10/2000	Miễn	6.38	7.38	8.88	5.63	28.27	
31	26.03.15.0342	Nữ	17/07/2001	Miễn	6.00	6.25	8.00	5.88	26.13	
32	26.03.15.0343	Nữ	03/01/2001	Miễn	3.92	5.13	5.13	3.25	17.43	
33	26.03.15.0344	Nữ	06/02/2002	Miễn	7.25	7.50	9.00	7.00	30.75	
34	26.03.15.0345	Nữ	07/05/2002	Miễn	5.25	4.92	6.25	5.50	21.92	
35	26.03.15.0346	Nữ	04/10/2002	Miễn	8.50	7.50	7.50	6.25	29.75	
36	26.03.15.0347	Nữ	16/11/2002	Miễn	8.13	7.75	8.88	7.25	32.01	
37	26.03.15.0348	Nữ	07/07/2002	Miễn	7.13	7.88	9.00	6.13	30.14	
38	26.03.15.0349	Nữ	18/07/2002	Miễn	7.63	8.13	9.38	6.75	31.89	
39	26.03.15.0350	Nữ	08/05/2002	Miễn	4.50	7.38	8.25	5.63	25.76	
40	26.03.15.0351	Nam	17/02/2002	Miễn	6.63	7.63	8.75	6.25	29.26	
41	26.03.15.0352	Nam	23/11/2002	Miễn	5.13	6.25	8.63	6.00	26.01	
42	26.03.15.0353	Nam	25/04/2000	Miễn	4.33	6.38	8.13	5.13	23.97	
43	26.03.15.0354	Nam	10/02/2002	Miễn	7.25	7.88	8.63	6.00	29.76	
44	26.03.15.0355	Nam	29/01/2002	Miễn	7.00	8.38	8.13	6.25	29.76	
45	26.03.15.0356	Nam	21/10/2002	Miễn	7.00	8.50	8.50	6.25	30.25	
46	26.03.15.0357	Nam	05/12/2001	Miễn	5.88	6.50	7.50	5.13	25.01	
47	26.03.15.0358	Nam	10/05/2002	Miễn	8.38	8.63	8.38	6.50	31.89	
48	26.03.15.0359	Nữ	30/10/2002	Miễn	8.63	8.38	8.50	7.13	32.64	
49	26.03.15.0360	Nam	19/09/2000	Miễn	6.00	7.75	8.13	4.83	26.71	
50	26.03.15.0361	Nữ	11/07/2002	Miễn	3.83	5.88	7.88	5.50	23.09	
51	26.03.15.0362	Nữ	10/08/2002	Miễn	7.88	8.75	9.25	7.63	33.51	
52	26.03.15.0363	Nam	31/08/2002	Miễn	5.75	6.88	6.88	4.58	24.09	
53	26.03.15.0364	Nữ	15/09/2002	Miễn	5.50	5.38	7.25	5.00	23.13	
54	26.03.15.0365	Nữ	25/04/2001	Miễn	6.00	8.50	8.88	6.38	29.76	
55	26.03.15.0366	Nữ	03/01/2002	Miễn	4.08	6.25	8.50	5.13	23.96	
56	26.03.15.0367	Nữ	07/11/2002	Miễn	6.50	8.63	9.00	6.88	31.01	
57	26.03.15.0368	Nữ	06/08/2002	Miễn	3.33	5.88	7.63	4.75	21.59	
58	26.03.15.0369	Nữ	23/02/2002	Miễn	3.58	4.58	7.25	4.50	19.91	
59	26.03.15.0370	Nữ	21/10/2002	Miễn	3.58	5.38	6.88	4.67	20.51	
60	26.03.15.0371	Nữ	28/07/2002	Miễn	6.63	8.00	8.75	6.13	29.51	
61	26.03.15.0372	Nữ	27/08/2002	Miễn	8.13	7.88	8.38	6.38	30.77	
62	26.03.15.0373	Nữ	06/01/2002	Miễn	5.00	7.50	8.13	6.25	26.88	
63	26.03.15.0374	Nữ	15/11/2002	Miễn	7.63	8.38	8.25	5.13	29.39	
64	26.03.15.0375	Nữ	03/11/2002	Miễn	5.38	6.75	8.63	4.92	25.68	
65	26.03.15.0376	Nam	26/04/2002	Miễn	7.63	7.63	8.75	6.50	30.51	
66	26.03.15.0377	Nam	12/05/2002	Miễn	v	6.75	v	v	6.75	
67	26.03.15.0378	Nữ	25/02/2001	Miễn	3.58	6.38	7.63	5.25	22.84	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG			24							
1	26.03.16.0379	Nam	06/02/2001	Miễn	7.75	6.88	6.30	8.13	29.06	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
2	26.03.16.0380	Nữ	20/05/2002	Miễn	8.88	7.63	7.20	7.63	31.34	
3	26.03.16.0381	Nữ	02/05/2002	Miễn	6.50	8.63	7.90	9.13	32.16	
4	26.03.16.0382	Nam	15/02/2002	Miễn	3.75	7.88	5.10	7.00	23.73	
5	26.03.16.0383	Nam	08/05/2002	Miễn	5.63	7.25	7.10	8.75	28.73	
6	26.03.16.0384	Nữ	13/11/2002	Miễn	6.00	6.88	7.10	8.25	28.23	
7	26.03.16.0385	Nữ	13/03/2001	Miễn	4.75	5.38	6.40	6.25	22.78	
8	26.03.16.0386	Nữ	05/08/2001	Miễn	7.63	8.38	6.80	8.38	31.19	
9	26.03.16.0387	Nữ	13/08/2001	Miễn	8.13	8.75	7.80	8.75	33.43	
10	26.03.16.0388	Nữ	10/07/2002	Miễn	6.63	7.50	7.10	8.88	30.11	
11	26.03.16.0389	Nam	26/02/2001	Miễn	4.42	6.13	5.70	7.38	23.63	
12	26.03.16.0390	Nam	29/05/2002	Miễn	7.25	6.88	7.30	8.13	29.56	
13	26.03.16.0391	Nam	27/03/2002	Miễn	4.67	5.13	5.00	8.00	22.80	
14	26.03.16.0392	Nữ	17/10/2002	Miễn	7.50	7.38	7.60	7.88	30.36	
15	26.03.16.0393	Nữ	08/08/2001	Miễn	3.83	5.25	5.60	5.25	19.93	
16	26.03.16.0394	Nữ	24/03/2002	Miễn	3.50	5.63	5.20	5.75	20.08	
17	26.03.16.0395	Nam	09/02/2002	Miễn	6.63	6.63	5.90	8.75	27.91	
18	26.03.16.0396	Nữ	12/11/2002	Miễn	5.50	7.50	7.20	8.75	28.95	
19	26.03.16.0397	Nữ	13/06/2002	Miễn	5.13	6.50	6.10	7.88	25.61	
20	26.03.16.0398	Nam	26/01/2002	Miễn	8.38	8.50	7.90	9.00	33.78	
21	26.03.16.0399	Nam	14/11/2002	Miễn	7.13	7.63	7.00	8.13	29.89	
22	26.03.16.0400	Nam	05/07/2001	Miễn	6.63	6.88	6.70	8.88	29.09	
23	26.03.16.0401	Nữ	28/09/2002	Miễn	9.25	9.00	9.00	8.63	35.88	
24	26.03.16.0402	Nam	29/08/2002	Miễn	4.67	6.38	5.70	7.75	24.50	
NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM			11							
1	26.03.19.0403	Nữ	12/10/2002	Miễn	6.00	6.75	7.00	7.63	27.38	
2	26.03.19.0404	Nam	01/11/2002	Miễn	5.00	6.88	6.25	6.25	24.38	
3	26.03.19.0405	Nam	13/12/2002	Miễn	5.88	6.88	7.88	7.63	28.27	
4	26.03.19.0406	Nam	13/07/2002	Miễn	8.50	8.63	8.38	9.00	34.51	
5	26.03.19.0407	Nam	09/09/2002	Miễn	7.13	7.50	7.25	6.50	28.38	
6	26.03.19.0408	Nam	21/01/1998	Miễn	6.63	6.00	5.75	7.13	25.51	
7	26.03.19.0409	Nữ	09/03/2002	Miễn	4.42	4.75	6.13	6.25	21.55	
8	26.03.19.0410	Nữ	19/02/2002	Miễn	6.88	7.13	7.25	6.88	28.14	
9	26.03.19.0411	Nam	23/08/2002	Miễn	5.13	5.50	7.25	7.38	25.26	
10	26.03.19.0412	Nữ	04/06/2002	Miễn	5.63	7.50	8.13	7.88	29.14	
11	26.03.19.0413	Nam	24/09/2002	Miễn	6.13	7.00	6.13	7.13	26.39	
NGÀNH: UNG BƯỚU			18							
1	26.03.20.0414	Nữ	16/01/2002	Miễn	6.50	7.63	7.90	8.88	30.91	
2	26.03.20.0415	Nam	19/06/2001	Miễn	5.75	7.00	6.80	7.38	26.93	
3	26.03.20.0416	Nam	10/12/2002	Miễn	7.63	7.38	7.50	9.25	31.76	
4	26.03.20.0417	Nam	17/04/2001	Miễn	8.38	7.88	6.80	8.50	31.56	
5	26.03.20.0418	Nữ	23/08/2002	Miễn	7.25	6.88	6.80	8.63	29.56	
6	26.03.20.0419	Nam	04/12/2002	Miễn	9.13	8.38	8.20	8.88	34.59	
7	26.03.20.0420	Nữ	12/01/2002	Miễn	4.42	5.38	5.50	6.50	21.80	
8	26.03.20.0421	Nam	28/12/2002	Miễn	9.25	8.25	7.80	8.63	33.93	
9	26.03.20.0422	Nữ	05/07/2002	Miễn	7.38	8.50	7.70	9.00	32.58	
10	26.03.20.0423	Nữ	14/12/2002	Miễn	3.50	4.67	7.00	7.00	22.17	
11	26.03.20.0424	Nữ	03/04/2002	Miễn	v	v	v	v	v	
12	26.03.20.0425	Nữ	14/03/2002	Miễn	8.50	7.13	7.10	9.00	31.73	
13	26.03.20.0426	Nam	27/10/2001	Miễn	7.88	8.50	7.10	8.13	31.61	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN					Tổng điểm	Ghi chú
				NN	Toán	Cơ sở	Môn 4	Môn 5		
14	26.03.20.0427	Nam	20/11/2002	Miễn	7.88	8.13	7.80	8.13	31.94	
15	26.03.20.0428	Nam	18/06/2002	Miễn	7.25	8.13	7.20	8.63	31.21	
16	26.03.20.0429	Nữ	28/10/2002	Miễn	3.17	7.25	7.00	7.88	25.30	
17	26.03.20.0430	Nữ	31/05/2002	Miễn	8.38	7.88	7.60	8.75	32.61	
18	26.03.20.0431	Nữ	09/02/2002	Miễn	8.25	8.13	7.90	8.63	32.91	
NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH			10							
1	26.03.22.0432	Nữ	02/09/2002	Miễn	5.88	6.75	7.00	7.75	27.38	
2	26.03.22.0433	Nam	11/01/2002	Miễn	6.75	7.63	7.75	7.38	29.51	
3	26.03.22.0434	Nam	11/07/2001	Miễn	3.25	7.00	v	v	10.25	
4	26.03.22.0435	Nữ	13/04/2002	Miễn	5.63	7.25	8.00	7.88	28.76	
5	26.03.22.0436	Nam	20/06/2002	Miễn	8.38	7.13	8.13	8.13	31.77	
6	26.03.22.0437	Nữ	26/06/2002	Miễn	6.38	7.38	8.13	7.00	28.89	
7	26.03.22.0438	Nam	02/05/2002	Miễn	8.75	7.00	7.25	8.88	31.88	
8	26.03.22.0439	Nữ	26/09/2002	Miễn	6.13	7.25	7.50	6.75	27.63	
9	26.03.22.0440	Nam	05/03/2002	Miễn	8.75	8.13	8.13	8.63	33.64	
10	26.03.22.0441	Nữ	30/04/2002	Miễn	4.25	5.25	4.75	5.50	19.75	

Danh sách có 441 thí sinh./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2026

CHỦ TỊCH



Ngô Quốc Đạt
HIỆU TRƯỞNG

